

**1TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 470/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2020.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2020/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐST–HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; địa chỉ: 79/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1995; Địa chỉ: 79/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2013 chị D và anh P tự nguyện chung sống như vợ chồng; đến năm 2016 chị D và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Qui, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/7/2016. Trong thời gian chung sống chị D và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường N, sinh ngày 21/3/2014 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/10/2016; hiện con chung đang sống chung với chị D. Chị D và anh P không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình anh P có khuyên nhiều lần nhưng anh P không thay đổi, bản thân chị D cũng đã cho anh P nhiều cơ hội nhưng anh P không muốn hàn gắn tình cảm với chị D; anh, chị không còn sống chung từ tháng 12/2018 (âm lịch) cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh P. Sau khi ly hôn chị D không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho chị D.

- Về con chung: chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị D trình bày không có không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị D trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 12/11/2020 chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Nguyễn Minh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Từ tháng 12/2018 (âm lịch) đến nay chị D và anh P đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Minh P có địa chỉ thường trú tại 79/2 ấp An Thới, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D, anh P.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Qui và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/7/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh P được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị D xin ly hôn với anh P là do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình anh P có khuyên nhiều lần nhưng anh P không thay đổi, bản thân chị D cũng đã cho anh P nhiều cơ hội nhưng anh P không muốn hàn gắn tình cảm với chị nên chị D và anh P không còn sống chung từ tháng 12/2018 (âm lịch) cho đến nay. Xét thấy: Từ tháng 12/2018 (âm lịch) cho đến nay chị D và anh P không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị D và anh P hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị D và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường N, sinh ngày 21/3/2014 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/10/2016. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị D, cháu Tường N và Minh H được chị D chăm sóc tốt và có sự phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Lẽ đó yêu cầu được nuôi con chung của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Minh P có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Minh P có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị D có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Do chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung chị Nguyễn Thị D trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Minh P. Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường N, sinh ngày 21/3/2014 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 10/10/2016. Do chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Minh P có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Minh P có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị D có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị D trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0003120 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã An Quý;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mỹ Duyên-Phan Thị Cẩm Hồng

Nguyễn Thị Tơ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã An Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tơ

